

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ

Thạch Hà, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/02/2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn TT, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn TT, xã VT, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

*Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1982.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1983.

## **2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về tình cảm:** Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.
- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Phương T, sinh ngày 16/01/2009 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 16/11/2010. Các đương sự thỏa thuận, thống nhất sau khi vợ chồng ly hôn giao 02 con chung Trần Thị Phương T và Trần Văn K cho anh Trần Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng số tiền 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày vợ chồng ly hôn đến khi các con đủ tuổi trưởng thành(18 tuổi).

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị N không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Nga được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- **Về nợ chung:** Các đương sự không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Trần Văn T tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng, số tiền này được khấu trừ cho anh T trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà anh Tuấn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003487, ngày 04/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Việt Tiến (Để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Văn phòng Tòa án (Để công bố CTTĐT);
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Khắc Hoàn**